

Ngày 15 tháng 01 năm 2025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 4 NĂM 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ ND số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN;

Căn cứ thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của TT 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ TC hướng dẫn về công khai NS đối với các đơn vị DTNS

Trường THCS Thanh Liệt công khai tình hình thực hiện DT thu - chi ngân sách quý 4 năm 2024 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Thực hiện quý 4 năm 2023	Dự toán năm 2024	Thực hiện quý 4 năm 2024	So sánh (%)	
					Ước thực hiện/Dự toán	Ước thực hiện quý năm nay so với cùng kỳ năm trước
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí					
I	Số thu phí, lệ phí	3.141.078.660	9.000.200.000	4.278.226.293	35%	136%
1	Lệ phí	592.600.000	1.753.200.000	458.212.500	34%	77%
	TSN- Học phí	592.600.000	1.753.200.000	458.212.500	34%	77%
2	Thu khác	2.548.478.660	7.247.000.000	3.820.013.793	35%	150%
	TSN - Thu dạy thêm, học thêm	1.949.665.500	5.781.000.000	2.886.426.000	34%	148%
	Chăm sóc bán trú	391.800.000	1.148.000.000	654.298.750	34%	167%
	Trang thiết bị bán trú	101.950.000	85.000.000	150.822.000	120%	148%
	Tiền dạy HS giỏi theo đề án		45.000.000		0%	#DIV/0!
	Tiền Tiếng anh song ngữ	2.035.000	55.000.000		4%	0%
	Tiền Tiếng anh tăng cường	4.153.670	18.000.000		23%	0%
	10% Trung tâm T.A STEM		3.000.000		0%	#DIV/0!
	10% Dạy nghề năng sống trích lại		20.000.000			#DIV/0!
	30% Sô LLĐT	34.380.000	92.000.000	36.252.000	37%	105%
	BHYT	64.494.490		91.882.800		142%
	Lãi tiền gửi TSN			332.243		#DIV/0!
	Tiền bơi				#DIV/0!	#DIV/0!
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	3.222.700.041	9.000.200.000	4.441.250.391	36%	138%
1	Chi sự nghiệp	3.222.700.041	9.000.200.000	4.441.250.391	36%	138%
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.222.700.041	9.000.200.000	4.441.250.391	49%	#DIV/0!
	Thuế thu nhập doanh nghiệp			97.339.665	#DIV/0!	#DIV/0!
	Chi thanh toán cho cá nhân	2.810.181.759	7.926.000.000	3.507.147.751	35%	125%
	Tiền lương	227.546.198	701.000.000	184.300.056	32%	81%
	Tiền công	245.372.400	5.634.000.000	75.999.104	4%	31%
	Phụ cấp lương	98.822.926		92.904.710		94%
	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	2.138.490.661	1.420.000.000	3.109.868.059	151%	145%
	Các khoản đóng góp	99.949.574	171.000.000	44.075.822		44%
	Dịch vụ chuyên môn	412.518.282	1.069.200.000	758.926.375	39%	184%

Số TT	Nội dung	Thực hiện quý 4 năm 2023	Dự toán năm 2024	Thực hiện quý 4 năm 2024	So sánh (%)	
					Ước thực hiện/Dự toán	Ước thực hiện quý năm nay so với cùng kỳ năm trước
	Phúc lợi tập thể	9.325.200	0	12.030.700	#DIV/0!	129%
	Thanh toán dịch vụ công cộng	124.049.338	205.000.000	220.489.425	61%	178%
	Vật tư văn phòng	48.300.000	85.000.000	87.370.000	57%	181%
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		0		#DIV/0!	#DIV/0!
	Hội nghị		4.000.000		0%	#DIV/0!
	Công tác phí	165.744	0		#DIV/0!	0%
	Chi phí thuê mướn	83.935.000	10.000.000	86.212.000	839%	103%
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	17.610.000	6.200.000	78.980.000	284%	448%
	Sửa chữa TS phục vụ công tác CM	129.133.000	759.000.000	256.401.810	17%	199%
	Mua sắm TSCĐ		0	17.442.440	#DIV/0!	#DIV/0!
	Các khoản chi khác	0	5.000.000	77.836.600	0%	#DIV/0!
	Chi khác		5.000.000	77.836.600	0%	#DIV/0!
	Chi lập các quỹ của đơn vị		0		#DIV/0!	#DIV/0!
B	Dự toán chi từ nguồn NSNN cấp	6.105.060.939	14.199.350.000	7.381.259.742	43%	121%
I	Nguồn ngân sách trong nước	6.095.360.939	13.920.000.000	7.373.947.242	44%	121%
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	6.105.060.939	14.199.350.000	7.381.259.742	43%	121%
1,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	6.095.360.939	13.920.000.000	7.373.947.242	44%	121%
	Chi thanh toán cho cá nhân	2.094.551.086	9.537.500.000	3.230.209.152	22%	154%
	Tiền lương	1.093.689.902	5.188.600.000	1.527.793.964	21%	140%
	Tiền công	175.694.400	470.300.000	424.949.896	37%	242%
	Phụ cấp lương	302.089.408	2.386.700.000	731.792.595	13%	242%
	Học bổng và hỗ trợ khác cho HS				#DIV/0!	#DIV/0!
	Phúc lợi tập thể		0			#DIV/0!
	Các khoản đóng góp	523.077.376	1.491.900.000	537.932.697	35%	103%
	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân		0	7.740.000	#DIV/0!	#DIV/0!
	Chi về hàng hóa dịch vụ	717.205.754	2.460.700.000	518.847.787	29%	72%
	Thanh toán dịch vụ công cộng	121.902.843	605.000.000	38.291.522	20%	31%
	Vật tư văn phòng	240.942.868	497.500.000	170.356.722	48%	71%
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	41.185.192	318.000.000	46.931.579	13%	114%
	Hội nghị	35.608.980	80.000.000	26.259.000	45%	74%
	Công tác phí		12.000.000		0%	#DIV/0!
	Chi phí thuê mướn	174.050.980	233.000.000	102.558.860	75%	59%
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	103.514.891	715.200.000	134.450.104	14%	130%
	Sửa chữa và mua sắm TS p/v công tác CM	277.532.600	1.701.720.000	31.268.000	16%	11%
	Sửa chữa TS phục vụ công tác CM	252.632.600	1.518.000.000	21.348.000	17%	8%
	Mua đầu tư tài sản vô hình		0		#DIV/0!	#DIV/0!
	Mua sắm TS dùng cho công tác chuyên môn	24.900.000	183.720.000	9.920.000	14%	40%
	Các khoản chi khác	3.006.071.499	220.080.000	3.593.622.303	1366%	120%
	Chi khác	15.860.000	220.080.000	64.250.000	7%	405%
	Chi lập các quỹ của đơn vị	2.990.211.499	0	3.529.372.303	#DIV/0!	118%

Số TT	Nội dung	Thực hiện quý 4 năm 2023	Dự toán năm 2024	Thực hiện quý 4 năm 2024	So sánh (%)	
					Ước thực hiện/Dự toán	Ước thực hiện quý năm nay so với cùng kỳ năm trước
1,2	Chi không thường xuyên	9.700.000	279.350.000	7.312.500	3%	75%
	Tiền lương		122.000.000			#DIV/0!
	Tiền công					#DIV/0!
	Các khoản đóng góp					#DIV/0!
	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân		144.000.000		0%	#DIV/0!
	Học bổng và hỗ trợ khác cho HS	9.700.000	1.350.000	7.312.500		75%
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn		12.000.000		0%	#DIV/0!
	Mua, đầu tư TS vô hình		0		#DIV/0!	#DIV/0!

Ngày 15 tháng 01 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

TRƯỜNG
TRUNG HỌC CƠ SỞ
THANH LIỆT
Trần Mai Hương

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HÀ NỘI